

KHẢO CỨU LẠI KHỞI NGHĨA DƯƠNG THANH (819-820)

PHẠM LÊ HUY*

Lời mở đầu

Năm 819 (Nguyên Hòa 14), Dương Thanh - một hào trưởng xuất thân từ vùng Hoan châu - đã chỉ huy hơn 2000 binh lính tập kích vào phủ thành An Nam, tiêu diệt viên Đô hộ của nhà Đường khi đó là Lý Tượng Cổ. Sau khi cuộc nổi dậy thành công, Dương Thanh đã cắt đứt toàn bộ mối liên hệ với nhà Đường, tìm cách xây dựng một thực thể chính quyền độc lập tại An Nam. Tuy chỉ kéo dài chưa đầy 1 năm, khởi nghĩa Dương Thanh luôn được đánh giá là dấu mốc quan trọng đánh dấu sự suy sụp hệ thống cai trị của nhà Đường tại An Nam, là "điểm báo trước" cho những sự kiện trọng đại sắp diễn ra trong thế kỷ IX-X, dẫn đến sự hình thành một quốc gia độc lập - tự chủ của người Việt trên mảnh đất Việt Nam.

Với ý nghĩa quan trọng như vậy, khởi nghĩa Dương Thanh luôn được nhắc đến trong các bộ thông sử viết về Việt Nam thời Bắc thuộc, tiêu biểu là hai cuốn *Lịch sử Việt Nam Tập 1* (1985) (1) và *The Birth of Vietnam* (1992) (2). Trong hai công trình nghiên cứu trên, cố GS. Trần Quốc Vượng và GS. Keith Weller Taylor đều đã dành một phần riêng để khảo cứu về xuất thân của thủ lĩnh Dương Thanh cũng như diễn biến của cuộc nổi dậy do nhân vật này chỉ huy. Trong *The birth of Vietnam*, Keith

Taylor còn tìm hiểu thêm về mối liên hệ giữa khởi nghĩa Dương Thanh với cuộc nổi dậy của người Choang (Man Hoàng Động) tại miền Nam Trung Hoa, đồng thời đưa ra giả thiết về vai trò của dòng Thiên Vô Ngôn Thông trong hoạt động trấn áp của nhà Đường đối với Dương Thanh.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, những công trình nghiên cứu trên cũng bộc lộ một số mặt hạn chế nhất định.

Thứ nhất, về mặt tư liệu, các học giả mới chỉ dừng lại ở việc khai thác các nguồn tư liệu văn bản mang tính phổ biến, về phía Trung Quốc là *Cựu - Tân Đường thư*, *Tư trị thông giám*, về phía Việt Nam là *Đại Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *An Nam chí lược* và *Thiên uyển tập anh ngữ lục*.

Thứ hai, do được biên soạn theo những nguyên tắc khác nhau cũng như khai thác tư liệu gốc từ nhiều nguồn khác nhau, giữa các nguồn sử liệu nêu trên tồn tại nhiều điểm khác biệt, thậm chí là mâu thuẫn với nhau. Do vậy, các nghiên cứu trước đây chưa thể xác định được chính xác các mốc thời gian như thời điểm thành công của cuộc nổi dậy, thời điểm khởi nghĩa kết thúc... Cũng bắt nguồn từ vấn đề sử liệu, một số giả thuyết được đưa ra như vai trò của dòng Thiên Vô Ngôn Thông trong hoạt động trấn áp của nhà Đường đối với khởi

* ThS. Khoa Đông Phương học - Trường ĐHKHXH&NV-DHQG HN

nghĩa Dương Thanh vẫn chưa thực sự thuyết phục, cần được tái kiểm chứng từ các nguồn tư liệu khác.

Gần đây, trong quá trình tập hợp tư liệu về thời Bắc thuộc, chúng tôi đã tìm được một số nguồn sử liệu có độ tin cậy cao, giúp chúng ta có thêm những thông tin và hình dung cụ thể hơn về khởi nghĩa Dương Thanh. Những sử liệu mà chúng tôi phát hiện được đến từ hai nguồn: tư liệu văn bản và tư liệu kim thạch văn.

Về tư liệu văn bản, đó là những ghi chép trong *Sách phủ nguyên qui* 冊府元龜. Được đánh giá là một trong "Tứ đại thư" của thời Tống, *Sách phủ nguyên qui* là bộ loại thư đồ sộ do Vương Khâm Nhược, Dương Úc tổ chức biên soạn trong suốt 8 năm - từ năm 1005 (Cảnh Đức 2) đến năm 1013 (Đại Trung Tường Phù 6). Những ghi chép xung quanh khởi nghĩa Dương Thanh trong bộ sách này sẽ giúp chúng ta xác định được chính xác thời điểm kết thúc khởi nghĩa Dương Thanh.

Về tư liệu kim thạch văn, chúng tôi tìm được văn bản mộ chí của Đô hộ Lý Tượng Cổ và của Lý Hội Xương - một viên quan khác của nhà Đường cũng bị giết trong cuộc nổi dậy của Dương Thanh. Hai văn bản nêu trên được chép với số hiệu "Trường Khánh 005" và "Trường Khánh 006" trong cuốn *Đường đại mộ chí vịnh biên* do Chu Thiệu Lương và Triệu Siêu chủ biên (3).

Về tấm mộ chí thứ nhất, thác bản hiện được lưu giữ tại Thư viện Quốc gia Trung Quốc (tên gọi mới của Bắc Kinh đồ thư quán). Tuy chưa được tiếp xúc trực tiếp, chúng tôi có thể nghiên cứu thác bản này qua ảnh chụp in trong Tập 30 của sách *Bắc Kinh đồ thư quán tàng Trung Quốc lịch đại thạch khắc thác bản hồi biên* (Dưới đây gọi tắt là sách *Bắc đồ*) (4) và sách *Lạc Dương xuất thổ lịch đại mộ chí tập thảng* (Dưới đây gọi tắt là sách *Tập*

thảng) (5). Theo ghi chép trên mộ chí, người soạn bài minh là Vương Trọng Chu đời Đường. Do Lý Tượng Cổ bị chết mất xác, nên người con trai nối dõi là Lý Chân Kiến (6) đã chôn áo mũ của Lý Tượng Cổ tại Lạc Dương vào ngày 9 tháng 11 năm Trường Khánh nguyên niên (821). Như vậy, văn bản này được hoàn thành muộn nhất cũng chỉ 2 năm sau khi nổ ra cuộc nổi dậy của Dương Thanh.

Về tấm mộ chí thứ 2, tức mộ chí của Lý Hội Xương, vào thời điểm 1992 - khi cuốn *Đường đại mộ chí vịnh biên* được xuất bản, thác bản của nó vẫn nằm trong bộ sưu tập của học giả Chu Thiệu Lương. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ dựa theo văn bản của sách *Đường đại mộ chí vịnh biên* do chính Chu Thiệu Lương làm chủ biên (7). Theo tấm mộ chí này, người soạn văn bản là Lý Phùng, nghĩa đệ của Hội Xương. Văn bản mộ chí được soạn xong trước ngày 9 tháng 11 năm Trường Khánh nguyên niên (821) - thời điểm Lý Phùng và gia đình của Lý Hội Xương tổ chức lễ mai táng cho viên quan này tại núi Bắc Mang (Lạc Dương, Hà Nam, Trung Quốc).

Như vậy, hai văn bản mộ chí trên đều được soạn rất gần với thời điểm nổ ra cuộc nổi dậy năm 819. Đây là những tư liệu đồng đại quý giá sẽ giúp chúng ta làm sáng tỏ được nhiều vấn đề xung quanh khởi nghĩa Dương Thanh. Trong bài viết này, trên cơ sở kế thừa thành quả nghiên cứu của những người đi trước, chúng tôi sẽ cố gắng khai thác thông tin từ những nguồn tư liệu mới nói trên để khảo cứu lại về cuộc khởi nghĩa của Dương Thanh.

Về một tên gọi khác của Dương Thanh: **Dương Trạch Thanh**

Trước đây, chúng ta chỉ biết tên người chỉ huy cuộc nổi dậy năm 819 là Dương Thanh 楊清. Tuy nhiên, qua bài minh trên hai tấm

mộ chí, chúng ta biết thêm rằng đương thời, Dương Thanh còn được biết đến với một tên gọi khác là “Dương Trạm Thanh” 楊湛清

Sử liệu 1: Mộ chí Lý Tượng Cổ

(前略) 粵有安南都隸兼驛史中丞曠西李公諱象古·春秋五十三·以元和十四祀秋八月十九日·遇部將楊湛清構亂於軍部·公之室孀氏洎三男二女戕於一剎之間·沉於長江之濱·兵解之後·遺骸蕩然矣 (後略)

Tạm dịch:

... Đất Việt có An Nam Đô hộ kiêm Ngự sử Trung thừa Lũng Tây Lý công, húy là Tượng Cổ, xuân thu (hưởng thọ) 53 tuổi. Ngày 19 tháng 8 mùa thu năm Nguyên Hòa 14 [819] (8), gặp phải loạn của bộ tướng là Dương Trạm Thanh ở quân quận, công [tức Lý Tượng Cổ] và vợ là Vi Thị Kịp, 3 con trai và 2 con gái trong khoảnh khắc đều bị hại, chìm dưới bến trường giang. Sau khi hết việc binh, di cốt đều bị hủy hoại hết...

Theo mộ chí của Lý Tượng Cổ, ngày 19 tháng 8 năm 819 (Nguyên Hòa 14), An Nam Đô hộ Lý Tượng Cổ cùng với vợ là Vi Thị Kịp, 3 con trai và 2 con gái đã bị giết trong vụ “phản loạn” của bộ tướng là Dương Trạm Thanh (sử liệu 1). Như vậy, không nghi ngờ gì nữa, nhân vật “Dương Trạm Thanh” xuất hiện trên mộ chí của Lý Tượng Cổ chính là thủ lĩnh Dương Thanh.

Tên gọi “Dương Trạm Thanh” cũng xuất hiện 2 lần trong mộ chí của Lý Hội Xương. Theo tấm mộ chí này, sau khi sang An Nam, Lý Hội Xương, khi đó 38 tuổi, đã “gặp phải vụ phản loạn của thổ tướng là Dương Trạm Thanh”. Ngoài ra, trong phần cuối của mộ chí, nghĩa đệ của Lý Hội Xương là Lý Phùng cũng viết “Trạm Thanh là giặc của quốc gia, em chưa thể báo thù được cho anh” (sử liệu 2).

Sử liệu 2: Mộ chí của Lý Hội Xương

(前略) 遇土將楊湛清叛·初矢及于屋·軍吏莫敢先·仲孝果作心·惘然請命·遂引左袒者遇闕于門中

·勳忿直前·後不繼至·為賊刀所加·時元和十四年八月十九日也 (中略) 湛清賊于家邦·吾斯之未能報也 (後略)

Tạm dịch:

... gặp phải vụ phản loạn của thổ tướng là Dương Trạm Thanh. Khi tên bán đến nhà, bọn quân lại không ai dám tiến lên. Anh [tức Lý Hội Xương] trong lòng đã quyết, cứng cổ xin lệnh, dẫn bọn tả dảm (9) đánh nhau với giặc ở cửa, hăng hái xông lên trước, phía sau không có người tiếp ứng, liền bị hại dưới dao của giặc, lúc đó là ngày 19 tháng 8 năm Nguyên Hòa 14... Trạm Thanh là giặc của quốc gia, em đây chưa thể báo thù được cho anh...

Như vậy, tên gọi “Dương Trạm Thanh” xuất hiện tổng cộng 3 lần trong 2 tấm mộ chí của 2 người khác nhau có niên đại rất gần năm 819, giúp chúng ta kiểm tra chéo và xác nhận độ tin cậy của hai nguồn tư liệu này, đồng thời khẳng định được Dương Thanh còn có một tên gọi khác là “Dương Trạm Thanh”.

Vấn đề đặt ra ở đây là tại sao trong khi các nguồn tư liệu văn bản của Trung Quốc và Việt Nam đều chép tên “Dương Thanh”, mộ chí của Lý Tượng Cổ và Lý Hội Xương lại chép tên nhân vật này là “Dương Trạm Thanh”? Tất nhiên, cũng không loại trừ khả năng *Cựu - Tân Đường thư* hay *Tư trị thông giám*, *Đại Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*... vì một lý do nào đó đã chép thiếu chữ “Trạm” trong tên Dương Trạm Thanh. Tuy nhiên, rõ ràng xác suất tất cả các nguồn tư liệu văn bản đều mắc phải cùng một sai sót và chép thiếu một chữ giống nhau như vậy là rất thấp.

Ngoài ra, chúng tôi cũng muốn lưu ý rằng Dương Thanh không phải là trường hợp thủ lĩnh người Việt đầu tiên và duy nhất được các nguồn tư liệu của Trung Quốc ghi chép dưới hai tên gọi khác nhau. Như chúng ta đã biết, Mai Hắc Đế thường

được nhắc đến trong các nguồn sử liệu của cả Việt Nam và Trung Quốc dưới tên gọi “Mai Thúc Loan” 梅叔覽. Tuy nhiên, như nhiều học giả đã lưu ý, duy có sách *Cựu Đường thư* (Q.184, Liệt truyện 134, Truyện Dương Tư Húc) và *Sách phủ nguyên qui* (Q.667, Nội thần bộ, Lập công) lại chép Mai Hắc Đế dưới một tên gọi khác là “Mai Huyền Thành” 梅玄成 (10). Đặc biệt, khi khai thác nguồn tư liệu mộ chí, chúng tôi đã tìm thấy thêm một tư liệu khác có nhắc đến tên gọi “Mai Huyền Thành”. Đó là mộ chí của Dương Tư Húc - viên hoạn quan đã trực tiếp dàn áp cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan. Mộ chí của Dương Tư Húc được các nhà khảo cổ học Trung Quốc phát hiện vào tháng 7 năm 1958 khi khai quật ngôi mộ chôn chung viên hoạn quan này và cha mẹ tại khu vực phía Đông Nam thành phố Tây An (Trung Quốc) (11). Đây là một tư liệu đồng đại quý giá chưa được khai thác trong các nghiên cứu trước đây về khởi nghĩa Mai Thúc Loan.

Sử liệu 3: Mộ chí của Dương Tư Húc (12)

前略) 山州首領梅玄成、擁冊餘萬以圖安南、公生擒玄成等二萬餘、斬諸賊首十萬級(後略)

Tạm dịch:

... Sơn châu thủ lĩnh là Mai Huyền Thành, cầm hơn 40 vạn quân mưu đất An Nam, công [tức Dương Tư Húc] bắt sống bọn Huyền Thành hơn 2 vạn, chém đầu bọn giặc 10 vạn thủ cấp...

Với tư cách là một tư liệu đồng đại có giá trị sử liệu cao, mộ chí của Dương Tư Húc giúp chúng ta kiểm chứng những ghi chép trong *Cựu Đường thư*, *Sách phủ nguyên qui* và khẳng định Mai Thúc Loan đương thời quả thực còn có một tên gọi khác là “Mai Huyền Thành” (13).

Vấn đề đặt ra ở đây là phải giải thích như thế nào về hiện tượng tồn tại song

song hai tên gọi như “Mai Thúc Loan” và “Mai Huyền Thành”, “Dương Thanh” và “Dương Trạm Thanh”? Liên quan đến vấn đề này, chúng tôi muốn lưu ý đến hiện tượng sử dụng song song tên húy và tên tự, vốn khá phổ biến vào đời Đường. Với trường hợp Mai Thúc Loan, trong quá trình đọc các tư liệu đời Đường, chúng tôi nhận thấy “Huyền Thành” là một tên tự tương đối phổ biến vào thời kỳ này. Trường hợp nổi tiếng nhất là Ngụy Trưng - danh thần nổi tiếng dưới thời Đường Thái Tông, có tên tự là “Ngụy Huyền Thành”. Ngoài ra, trong số mộ chí đời Đường còn được lưu giữ đến ngày nay, có thể thấy nhiều người sống vào đời Đường như Cát Hồn, Đào Vũ, Đinh Hữu... có tên tự là Huyền Thành (14).

Vì vậy, chúng tôi ngờ rằng “Mai Thúc Loan” vốn là tên húy của Mai Hắc Đế, còn “Huyền Thành” là tên tự của ông (15). Tương tự, trong trường hợp của Dương Thanh, chúng tôi nghĩ rằng “Thanh” là tên húy, trong khi “Trạm Thanh” là tên tự của thủ lĩnh này. Khi đặt tên tự, trong nhiều trường hợp, người ta thường tìm những chữ Hán gần nghĩa hoặc có liên quan đến tên húy, ví dụ Ban Cố 班固 lấy tên tự là “Mạnh Kiên” 孟堅 (chữ “Cố” và chữ “Kiên” gần nghĩa với nhau), Gia Cát Lượng 諸葛亮 lấy tên tự là “Khổng Minh” 孔明 (chữ “Lượng” và chữ “Minh” đều có nghĩa là “sáng”). Chữ “Trạm” có nghĩa là “thanh, trong” cũng gần với chữ “Thanh”, nên nếu Dương Thanh lấy tên tự là “Trạm Thanh” cũng không có gì bất hợp lý.

Tất nhiên, trên đây chỉ là những suy đoán của chúng tôi, hiện nay chúng ta chưa có đủ tư liệu để kết luận về vấn đề này. Dù thế nào đi chăng nữa, nhờ 2 nguồn tư liệu đồng đại là mộ chí của Lý Tự ứng Cổ và Lý Hội Xương, có thể khẳng định ít nhất một điều: thủ lĩnh “Dương Thanh” đương thời

còn được biết đến dưới một tên gọi khác là “Dương Trạng Thanh”.

Về thời điểm thành công của cuộc nổi dậy năm 819

Về thời điểm thành công của cuộc nổi dậy năm 819, sách *Cựu Đường thư* (Bản kỷ, Q.15, Hiến Tông) do Lưu Hú đời Hậu Tấn chủ biên chép: “[Năm Nguyên Hòa 14 819] Mùa đông tháng 10, ngày sóc của tháng ấy là ngày Bính Ngọ, ngày Nhâm Tuất, quân An Nam làm loạn, giết Đô hộ Lý Tượng Cổ, gia thuộc, bộ khúc hơn 1000 người cũng bị hại. Ngày Bính Dần, lấy Thứ sử Đường châu là Quế Trọng Võ làm An Nam Đô hộ” (sử liệu 4).

Sử liệu 4: *Cựu Đường thư*, Bản kỷ, Q.15, Đường Hiến Tông, Nguyên Hòa 14 (819)

冬十月丙朔、壬戌、安南軍亂、殺都護李象古、并家屬、部曲千餘人皆遇害、丙寅、以唐州刺史桂仲武為安南都護、

Truyện Lý Tượng Cổ cũng trong *Cựu Đường thư* (Q.131, Liệt truyện 81, Truyện Lý Tượng Cổ) chép như sau: “Lý Tượng Cổ từ chức Hành châu thứ sử được phong làm An Nam Đô hộ. Năm Nguyên Hòa 14 [819], Lý Tượng Cổ bị Dương Thanh giết, vợ con và bộ khúc không ai sống sót. Dương Thanh mấy đời làm tù hào ở phương Nam. Lý Tượng Cổ tham lam phóng túng, lòng người không theo. [Tượng Cổ] lại sợ thế lực của Thanh, đưa Thanh từ chức Hoan châu Thứ sử về làm nha môn tướng. [Dương Thanh] trong lòng uất không vui. Không lâu sau, giặc Hoàng gia ở Ung quân làm phản, triều đình chiếu cho Tượng Cổ phát binh mấy đạo đánh dẹp. Tượng Cổ lệnh cho Thanh dẫn 3000 quân đến. Thanh cùng với con là Chí Liệt và người thân tín là Đỗ Sĩ Giao cùng bàn mưu trở giáo [làm phản], ban đêm tập kích An Nam, được mấy ngày thành bị hạ. Tượng Cổ do đó bị hại. Triều đình lệnh cho Thứ sử Đường châu là Quế

Trọng Võ làm Đô hộ, vừa chiêu dụ, xá tội cho Thanh, cho làm Thứ sử Quỳnh châu. Trọng Võ đến biên giới, Thanh không cho vào. Thanh cấu thúc thủ hạ, hình phạt khắc nghiệt, người dưới không biết nhờ đâu sống được. Trọng Võ sai người chiêu dụ bọn tù hào, được mấy tháng, nối nhau qui phục, được quân lính hơn 7 nghìn người, thu lại được thành, chém Thanh và con là Chí Trinh, tịch biên hết gia sản. Chí Liệt và Sĩ Giao thua trận, giữ đất Tạc Khê ở Trường châu, sau bị truy đuổi phải đem quân lính dưới quyền ra hàng” (sử liệu 5).

Sử liệu 5: *Cựu Đường thư*, Q.131, Liệt truyện 81, Truyện Lý Tượng Cổ

象古自衡州刺史為安南都護、元和十四年、為楊清所殺、妻子支黨無噍類焉、楊清者、代為南方酋豪、屬象古倉廩、人心不附、又惡清之強、自禮州刺史召為牙門將、鬱鬱不快、無何、邕管黃家賊叛、詔象古發兵數道討之、象古命清領兵三千赴焉、清與其子志烈及所親杜士交潛謀弒之、夜襲安南、數日城陷、象古故及於害、朝廷命唐州刺史桂仲武為都護、且招諭之、故清、以為瓊州刺史、仲武至境、清不納、復約束部署、刑數僧徒、人無聊生、仲武使人諭其酋豪、數月間、歸附繼至、約兵七千餘人、收其城、斬清及其子志貞、籍沒其家、志烈與士交敗、保于長州之鑿溪、尋以所部兵來降、

Sách *Tân Đường thư* do Âu Dương Tu thời Bắc Tống chủ biên cũng có 3 đoạn viết về khởi nghĩa Dương Thanh, trong đó phần Bản kỷ, quyển 7 (Đường Hiến Tông) chép như sau: “[Năm Nguyên Hòa 14 - 819] Tháng 10 ngày Nhâm Tuất, An Nam tướng Dương Thanh giết Đô hộ Lý Tượng Cổ, làm phản” (sử liệu 6).

Sử liệu 6: *Tân Đường thư*, Bản kỷ, Q.7, Đường Hiến Tông, Nguyên Hòa 14 (819)

十月壬戌、安南將楊清殺其都護李象古以反、

Sách *Tư trị thông giám* (Q.241, Đường kỷ 57, Hiến Tông) do Tư Mã Quang đời Bắc Tống biên soạn lại cho biết: “[Năm Nguyên Hòa 4 - 819] Mùa đông tháng 10, Dung

quân [Kinh lược sứ] tấu An Nam tặc là Dương Thanh hạ Đô hộ phủ (An Nam đô hộ phủ trị tại Giao châu), giết Đô hộ Lý Tượng Cổ và vợ con, quan thuộc, bộ khúc hơn 1000 người. Tượng Cổ là anh của Đạo Cổ. Do tham lam, hà khắc nên dễ mất lòng người. Thanh nhiều đời làm tù trưởng người Man. Tượng Cổ gọi về làm nha tướng. Thanh u uất, bất đắc chí. Tượng Cổ sai Thanh dẫn 3 nghìn quân đánh Hoàng Động Man. Thanh nhân lòng người phẫn uất, dẫn quân ban đêm tập kích phủ thành, hạ thành." (sử liệu 7).

Sử liệu 7: *Tư trị thông giám*, Q.241, Đường kỷ 57, Hiến Tông

冬十月壬戌·容管安南賊楊清陷都護府 (安南都護府治交州) 殺都護李象古及妻子官屬部曲千餘人·象古道古之兄也·以貪縱苛刻失衆心·清世爲蠻酋·象古召爲牙將·清鬱鬱不得志·象古命清將兵三千討黃洞蠻·清因人心怨怒·引兵夜還襲府城·陷之·

Các nguồn tư liệu văn bản của Việt Nam như *Đại Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *An Nam chí lược*... đều có những phần nhắc đến khởi nghĩa Dương Thanh, nhưng chỉ có *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngoại kỷ, Q.5) chép cuộc nổi dậy này trong một khung thời gian tương đối cụ thể là tháng 10 năm Kỷ Hợi, Nguyên Hòa 14 (819).

Như vậy, các nguồn tư liệu văn bản đều thống nhất cuộc nổi dậy thành công vào năm 819, nhưng cách thức ghi chép của chúng dễ khiến chúng ta nhầm lẫn rằng Dương Thanh đã tổ chức tấn công và hạ được phủ thành An Nam vào tháng 10, mùa đông năm 819. Nhận thức này đã được thể hiện trong khá nhiều bộ thông sử của chúng ta từ trước đến nay. Một số sách không nhắc đến thời điểm thành công của cuộc nổi dậy, mà chỉ ghi chung chung cuộc nổi dậy nổ ra trong năm 819.

Tuy nhiên, khi tham khảo mộ chí của Lý Tượng Cổ và Lý Hội Xương, chúng ta có thể xác định một cách khá chính xác thời điểm cuộc nổi dậy thành công. Như đã trình bày ở phần trên, mộ chí của Lý Tượng Cổ ghi rõ ngày Lý Tượng Cổ cùng vợ là Vi Thị Kịp, 3 con trai và 2 con gái bị giết là "ngày 19 tháng 8 mùa thu năm Nguyên Hòa 14" (sử liệu 1). Thêm vào đó, mộ chí của Lý Hội Xương cũng khẳng định ngày Lý Hội Xương bị giết dưới tay quân nổi dậy của Dương Trạm Thanh là "ngày 19 tháng 8 năm Nguyên Hòa 14". Như vậy, cả hai nguồn tư liệu đồng đại này đều ghi chép thống nhất rằng cuộc nổi dậy thành công vào ngày 19 tháng 8, mùa thu, chứ không phải mùa đông tháng 10 như nhiều tài liệu đã ngộ nhận.

Bên cạnh đó, theo *Cựu Đường thư*, Dương Thanh đã tổ chức tập kích phủ thành An Nam vào ban đêm, sau mấy ngày mới hạ được thành ("đã tập An Nam, số nhật thành hãm", sử liệu 5). Nếu ghi chép của *Cựu Đường thư* là chính xác, kết hợp với nguồn thông tin từ tư liệu mộ chí đã dẫn ở trên, có thể cho rằng Dương Thanh đã bao vây phủ thành vào một ngày trung tuần tháng 8, và chính xác là đến ngày 19 tháng 8 mùa thu năm 819 (Nguyên Hòa 14), quân nổi dậy đã hạ được thành, tiêu diệt Lý Tượng Cổ và toàn bộ quan quân nhà Đường trong thành.

Ở đây, cũng cần đặt lại vấn đề: vậy ngày Nhâm Tuất (tức ngày 17) (16) mùa đông tháng 10 mà *Cựu - Tân Đường thư* và *Tư trị thông giám* (sử liệu 4, 6, 7) nhắc đến là ngày gì? Nếu căn cứ theo đúng ghi chép của *Tư trị thông giám* (sử liệu 7), phải hiểu ngày Nhâm Tuất (17) tháng 10 là ngày Dung quản kinh lược sứ đóng tại Quảng Châu tấu lên với chính quyền trung ương nhà Đường về việc phủ thành An Nam bị

hạ. Như vậy, từ khi cuộc nổi dậy của Dương Thanh thành công (ngày 19 tháng 8 năm 819) đến khi chính quyền trung ương nhà Đường nhận được tin báo (ngày 17 tháng 10 năm 819) là khoảng gần 2 tháng (17).

Những sự kiện trong giai đoạn từ tháng 8 năm 819 đến tháng 2 năm 820

Sau khi Dương Thanh hạ được phủ thành, Dung quân Kinh lược sứ đóng tại Quảng Châu đã không dám tự tiện phát binh mà phải gửi bản tấu về kinh đô. Sau khi nhận được bản tấu vào ngày Nhâm Tuất (ngày 17) tháng 10 năm 819, bốn ngày sau (tức ngày 21 - Bính Dần), nhà Đường quyết định cử Đường châu Thứ sử Quế Trọng Võ làm An Nam Đô hộ (sử liệu 4). Đồng thời, vua Đường xuống chiếu xá tội, phong Dương Thanh làm Thứ sử Quỳnh châu, trên thực tế là tìm cách di lý Dương Thanh về đảo Hải Nam để dễ bề trị tội.

Nhận rõ âm mưu của nhà Đường, Dương Thanh cùng với người đồng sự thân tín là Đỗ Sĩ Giao, hai con trai là Dương Chí Liệt và Dương Chí Trinh đã đóng cửa biên giới, không cho Quế Trọng Võ vào An Nam. Trước tình hình đó, Quế Trọng Võ cũng rất khôn ngoan, không vội vàng động binh mà tìm cách mua chuộc, lôi kéo các hào trưởng, thủ lĩnh địa phương ("cử súy", "tù hào") đi theo Dương Thanh (sử liệu 5).

Sốt ruột vì sau hơn 4 tháng mà Quế Trọng Võ vẫn chưa thu hồi được An Nam, ngày Giáp Ngọ (ngày 22) (18) tháng 2 năm 820 (Nguyên Hòa 15), nhà Đường ra lệnh bổ nhiệm Quế quân Quán sát sứ Bùi Hành Lập làm An Nam Đô hộ, Bản quân Kinh lược sứ thay cho Quế Trọng Võ, đồng thời bổ nhiệm Quế Trọng Võ làm An châu Thứ sử.

Bùi Hành Lập - nhân vật được bổ nhiệm thay thế Quế Trọng Võ - vốn là người tiền

nhiệm của Lý Tượng Cổ. Bùi Hành Lập trước đây từng đảm nhiệm vị trí An Nam Đô hộ trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 813 (Nguyên Hòa 8) (19) đến khoảng năm 817 (Nguyên Hòa 12). Trong quãng thời gian này, Bùi Hành Lập tỏ ra là một nhân vật khá cứng rắn, có khả năng khống chế được thế lực đang lên của các thủ lĩnh An Nam. Có thể thấy điều này qua mối quan hệ giữa Bùi Hành Lập với hai thủ lĩnh là Đỗ Anh Sách và Phạm Đình Chi.

Như đã phân tích trong một bài nghiên cứu trước (20), Đỗ Anh Sách và Phạm Đình Chi là hai hào trưởng miền núi ("khê động hào") rất có thế lực. Riêng Đỗ Anh Sách đã kinh qua 4 đời Đô hộ là Triệu Xương, Bùi Thái, Trương Chu, Bùi Hành Lập, có những lúc đã leo lên vị trí số hai trong chính quyền An Nam (An Nam Phó Đô hộ). Trong bối cảnh đế quốc Đường đang dần bước vào thời kỳ suy tàn, cộng với những nguy cơ đến từ phía các cuộc nổi dậy của Man Hoàng Động ở mạn Bắc, Nam Chiếu ở phía Tây và Hoàn Vương (Lâm Ấp) ở phương Nam, cũng giống như những viên Đô hộ tiền nhiệm như Triệu Xương, Trương Chu..., Bùi Hành Lập buộc phải dựa vào uy tín, thế lực quân sự của các hào trưởng địa phương như Đỗ Anh Sách và Phạm Đình Chi để ổn định tình hình An Nam. Ví dụ trong vụ xử lý Lý Lạc Sơn - một người Hoàn Vương (Lâm Ấp) làm phản chạy sang An Nam cầu viện nhà Đường, Đỗ Anh Sách chính là người được Bùi Hành Lập sai chém đầu Lý Lạc Sơn để lấy lòng Hoàn Vương. Tuy nhiên, khi cảm thấy những thủ lĩnh địa phương bắt đầu vượt ra ngoài tầm kiểm soát của mình, Bùi Hành Lập bèn lấy cớ Phạm Đình Chi đi nghỉ phép ("hưu mộc") quá hạn để xử tử theo quân pháp, qua đó răn đe Đỗ Anh Sách cũng như con cháu dòng họ Phạm.

Nhắc lại hành trạng của Bùi Hành Lập trong quãng thời gian nhậm chức An Nam Đô hộ lần thứ nhất để thấy rằng: nhà Đường đã rất kỳ vọng vào kinh nghiệm cũng như những mối quan hệ mà Bùi Hành Lập đã tạo dựng được với các thủ lĩnh An Nam trong việc giải quyết vấn đề Dương Thanh. Tuy nhiên, trong lần nhậm chức Đô hộ thứ hai này, Bùi Hành Lập không còn sung sức như trước. Cuộc chiến liên miên với người Choang (Man Hoàng Động) có lẽ đã vắt kiệt sức của viên tướng 47 tuổi này. Dọc đường đi, Bùi Hành Lập đã qua đời tại trấn Hải Môn (21).

Trong khi đó, chính sách chiêu dụ, mua chuộc của Quế Trọng Võ lại bắt đầu tỏ ra có hiệu quả khi hàng loạt hào trưởng địa phương ("tù hào") bắt đầu ra hàng. Lực lượng thổ quân qui phụ dưới trướng Quế Trọng Võ đã lên tới hơn 7 nghìn người (sử liệu 5) (22).

Phân tích những sự kiện trên đây giúp chúng ta nhận thức rõ hơn về ý nghĩa của khởi nghĩa Dương Thanh. Khởi nghĩa Dương Thanh được mở đầu bằng một cuộc nổi dậy của binh lính An Nam ("An Nam quân"), dưới sự chỉ huy của Dương Thanh - khi đó là "nha môn tướng" ("bộ tướng", "thổ tướng") của Lý Tượng Cổ. Tuy nhiên, những diễn biến trong quãng thời gian từ tháng 8 năm 819 đến tháng 2 năm 820 cho thấy khởi nghĩa Dương Thanh đã không chỉ dừng lại ở qui mô một cuộc "phản loạn" của binh lính nhằm tiêu diệt một viên Đô hộ tàn ác, mà trên thực tế, nó đã hướng đến một mục tiêu to lớn hơn: xây dựng nên một thực thể độc lập nằm ngoài sự kiểm soát của nhà Đường tại An Nam. Về qui mô, sau khi cuộc nổi dậy thành công, nó đã thu hút được sự ủng hộ của nhiều thủ lĩnh địa phương, qui tập được dưới trướng một lực lượng quân sự đông đảo hơn rất nhiều so

với thời điểm ban đầu. Điều này có thể thấy rõ qua hai chi tiết. *Thứ nhất*, Dương Thanh đã cự tuyệt chiếu dụ của vua Đường, đồng thời thành công trong việc đóng cửa biên giới, cầm chân khiến Quế Trọng Võ không vào được đất An Nam trong nhiều tháng. *Thứ hai*, nếu làm một phép so sánh đơn giản, chúng ta thấy rằng con số hơn 7 nghìn "tù hào", "cừ súy" và thổ binh ra hàng Quế Trọng Võ trên thực tế đã gấp đôi con số 2-3 nghìn binh lính ban đầu theo Dương Thanh bao vây và hạ thành An Nam. Nói ngược lại, hơn 7 nghìn người ra hàng này chính là những người đã từng hưởng ứng và đi theo Dương Thanh sau khi cuộc nổi dậy năm 819 thành công. Cũng phải nói thêm, biên chế binh lính được nhà Đường đặt tại phủ thành An Nam thông thường chỉ vào khoảng 4200 người, hay đội "quân phòng đông" mà nhà Đường thường đặt tại biên giới An Nam - Nam Chiếu cũng chỉ dừng lại ở con số 3000 người. Những so sánh như vậy cho thấy cho đến tháng 2 năm 820, cuộc khởi nghĩa của Dương Thanh đã thu hút được sự ủng hộ của nhiều thủ lĩnh địa phương cũng như lực lượng quân sự đông đảo dưới quyền họ. Theo chúng tôi, đây là một điểm hết sức quan trọng mà chúng ta cần lưu ý khi đánh giá về mục tiêu, qui mô, lực lượng của khởi nghĩa Dương Thanh.

Về thời điểm thất bại của khởi nghĩa Dương Thanh

Trong phần trước, chúng tôi đã trình bày những sự kiện diễn ra trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 819 đến tháng 2 năm 820. Liên quan đến những sự kiện sau đó, ghi chép trong các nguồn tư liệu văn bản có nhiều điểm khác nhau, thậm chí là mâu thuẫn với nhau.

Theo *Cựu - Tân Đường thư* và *Tư trị thông giám*, sau sự ra hàng của hàng loạt

các hào trường địa phương, trước cán cân lực lượng ngày càng chênh lệch cũng như bất mãn với một số chính sách hà khắc của Dương Thanh với thuộc hạ dưới quyền, năm 820 (Nguyên Hòa 15), tướng sĩ An Nam đã mở cửa thành đầu hàng, giao nộp Dương Thanh và con là Dương Chí Trinh cho nhà Đường. Quế Trọng Vũ chém đầu hai cha con Dương Thanh và đưa về kinh đô. Riêng Đỗ Sĩ Giao và Dương Chí Liệt kịp chạy thoát, lui về giữ Tạc Khê ở Trường châu (Ninh Bình) nhưng sau đó cũng phải ra hàng (sử liệu 5). Như vậy, các nguồn tư liệu của Trung Quốc đều thống nhất rằng Dương Thanh đã bị Quế Trọng Vũ giết, cuộc nổi dậy về cơ bản đã bị dập tắt trong năm 820.

Trong khi đó, *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngoại kỷ, Q.5) lại cho rằng: "Quế Trọng Vũ đánh Dương Thanh mà không thắng. Thanh vào trong người Man Lạp làm loạn, cướp phá phủ thành, Đô hộ Lý Nguyên Gia đánh không được, dụ không đến". Cũng theo *Toàn thư*, đến năm 828 (Đại Hòa 2, Mậu Thân), Dương Thanh tiếp tục tham gia một cuộc nổi loạn ở quân phủ, đánh đuổi An Nam Đô hộ Hàn Ước về Quảng Châu (sử liệu 8).

Sử liệu 8: *Đại Việt sử ký toàn thư*, Ngoại kỷ, quyển 5

詔挂仲攻滑不克、滑入諸蠻蠻中作乱、剿害城府、都護李元嘉攻之不克、誘之不來、由是黃洞蠻引環王入寇、

中略)

戊申唐文宗憲太和二年、都護韓約擊峯州王昇朝、克之、後為楊清所逐奔還廣州

Dịch nghĩa:

Chiếu cho Quế Trọng [Vũ] đánh Dương Thanh mà không thắng. Thanh vào trong người Man Lạp làm loạn, cướp phá thành phủ. Đô hộ Lý Nguyên Gia đánh không

được, dụ không đến. Do đó Hoàng Động Man dẫn Hoàn Vương vào cướp...

Năm Mậu Thân, Đường Văn Tông, năm Thái [Đại] Hòa 2, Đô hộ Hàn Ước đánh người ở Phong châu là Vương Thăng Triều, thắng được. Sau bị Dương Thanh đuổi chạy về Quảng Châu.

Như vậy, ghi chép trong các nguồn tư liệu văn bản của Trung Quốc và *Đại Việt sử ký toàn thư* có sự mâu thuẫn với nhau về cái chết của Dương Thanh. Ngay trong các tư liệu của Trung Quốc, mặc dù đều thống nhất Dương Thanh bị Quế Trọng Vũ xử chém nhưng hai bộ chính sử là *Cựu Đường thư* và *Tân Đường thư* lại đưa ra nhiều mốc thời gian khác nhau. *Cựu Đường thư* (Bản kỷ, Q.16, Đường Mục Tông) chép: "ngày Đinh Sửu tháng 6 năm Nguyên Hòa 15 [820], An Nam Đô hộ Quế Trọng Vũ tấu giết được đầu đảng của giặc là Dương Thanh, thu phục An Nam phủ" (23). Đến mục ngày Giáp Tuất tháng 8 cùng năm, *Cựu Đường thư* lại ghi: "An Nam Đô hộ là Quế Trọng Vũ chém đầu phản tướng Dương Thanh dâng lên triều đình, thu phục An Nam phủ" (24).

Khảo chứng của Thẩm Đức Tiếm in trong *Từ khố toàn thư*

Trong khi đó, *Tân Đường thư* lại chép về việc "giết (phục tru) Dương Thanh" trong mục ngày Tân Mùi tháng 3 năm 820 (25). Như vậy, xung quanh thời điểm Quế Trọng Vũ giết Dương Thanh và tái chiếm phủ thành An Nam, ngay trong cùng một cuốn sách là *Cựu Đường thư* đã

與此五矣

新舊唐書此係重出又新書三月癸未楊清伏誅

以歐收復安南府○

舊唐書卷十六考據

舊唐書卷十六考據

按本年六月丁丑己書

có hai mốc ngày tháng khác nhau là tháng 6 và tháng 8 năm 820, hai thời điểm này lại cũng không trùng với mốc thời gian chép trong *Tân Đường thư* là tháng 3 năm 820.

Những ghi chép dường như mâu thuẫn nói trên đã gây khó khăn cho không ít học giả trong suốt một thời gian dài. Ngay từ thời Thanh, một học giả nổi tiếng thời bấy giờ là Thẩm Đức Tiêm 沈德潛 khi tiến hành khảo chứng các sách *Cựu - Tân Đường thư* đã thắc mắc: “xét thấy mục ngày Đinh Sửu tháng 6 năm này [tức năm 820], sách [*Cựu Đường thư*] đã chép chuyện chém Dương Thanh, ở đây [tức mục ngày Giáp Tuất tháng 8] lại chép chuyện đó. Ngoài ra, *Tân thư* [tức *Tân Đường thư*] phần ngày Tân Mùi tháng 3 [năm 820] cũng chép chuyện phục trừ Dương Thanh, các ghi chép này có sự sai lệch với nhau” (26). Cố GS. Trần Quốc Vượng và GS. Keith Weller Taylor mặc dù căn cứ vào *Cựu - Tân Đường thư* và *Tư trị thông giám* để khẳng định Quế Trọng Võ đã giết được Dương Thanh vào năm 820, song cũng không bàn đến thời điểm kết thúc chính xác của khởi nghĩa Dương Thanh.

Để giải đáp vấn đề này, chúng tôi muốn lưu ý đến ghi chép sau đây của *Sách phủ nguyên qui*.

Sử liệu 9: *Sách phủ nguyên qui*, Q. 434, Tướng súy bộ, Hiến tiết

桂仲武爲安南都、元和十五年六月癸、「三月二十九日、收剋安南、賊黨楊清等處置訖」、八月甲戌、仲武送逆將楊清首至長樂驛、命中使就之、

Tạm dịch:

Quế Trọng Võ làm An Nam Đô hộ. Tháng 6 năm Nguyên Hòa 15 [820], tấu: “Ngày 29 tháng 3, thu hồi An Nam, xử trí xong bọn tặc đảng Dương Thanh”. Ngày Giáp Tuất tháng 8, Trọng Võ gửi thủ cấp của tướng phản loạn Dương Thanh đến

trạm dịch Trường Lạc, lệnh cho trung sứ ra đón.

Theo ghi chép này, tháng 6 năm Nguyên Hòa 15 (820), Quế Trọng Võ tấu lên triều đình ngày 29 tháng 3 cùng năm đã chiếm được An Nam và xử trí xong bọn “tặc đảng” là Dương Thanh. Đến ngày Giáp Tuất tháng 8, đầu của Dương Thanh được gửi đến dịch trạm Trường Lạc, vua Đường bèn cử trung sứ (sứ giả mang chiếu sắc của nhà vua) ra đón.

Ghi chép của *Sách phủ nguyên qui* giúp chúng ta giải quyết vấn đề sai khác về ngày tháng giữa *Cựu Đường thư* và *Tân Đường thư*. Trước hết, vì ngày sóc (mùng 1) của tháng 3 năm 820 là ngày Kỷ Mão, nên ngày 29 tháng 3 mà *Sách phủ nguyên qui* nhắc đến chính là ngày Tân Mùi, khớp với mốc ngày Tân Mùi tháng 3 mà *Tân Đường thư* ghi chép. Nói cách khác, ngày Tân Mùi (29) tháng 3 năm 820 của *Tân Đường thư* chính là ngày Quế Trọng Võ đã tái chiếm phủ thành An Nam và chém đầu được cha con Dương Thanh. Sau khi giết được Dương Thanh, Quế Trọng Võ cho người đưa bàn tấu về triều đình. Mốc thời điểm tháng 6, ngày Đinh Sửu (tức ngày 7) (27) mà sách *Cựu Đường thư* đề cập phải hiểu là thời điểm bàn tấu của Quế Trọng Võ đến tay hoàng đế nhà Đường. Cuối cùng, thời điểm tháng 8, ngày Giáp Tuất (ngày mùng 5) (28) mà *Cựu Đường thư* nhắc đến theo *Sách phủ nguyên qui* là ngày thủ cấp của Dương Thanh được chuyển đến dịch trạm Trường Lạc ở kinh đô Trường An. Như vậy, qua khảo chứng với *Sách phủ nguyên qui*, chúng ta thấy rằng các ghi chép của hai bộ sách *Cựu - Tân Đường thư* không có gì mâu thuẫn với nhau, sự sai khác về mặt thời gian chỉ bắt nguồn từ việc hai bộ sách này đã miêu tả những sự kiện khác nhau nằm trong chuỗi sự kiện liên quan đến hoạt

động trấn áp cuộc khởi nghĩa của Dương Thanh.

Quay lại với vấn đề *Đại Việt sử ký toàn thư*, như đã đề cập ở trên, *Đại Việt sử ký toàn thư* là nguồn tư liệu duy nhất cho rằng Quế Trọng Võ không bình định được Dương Thanh, sau năm 820, Dương Thanh vẫn tiếp tục sống và chống giữ với Đô hộ Lý Nguyên Gia (Lý Nguyên Hỷ), thậm chí đến năm 828 (Đại Hòa 2), Dương Thanh còn đuổi được Đô hộ Hàn Ước về Quảng Châu (sử liệu 8). Ngay các nguồn sử liệu của Việt Nam có đề cập đến sự kiện năm 819 như *Đại Việt sử lược*, *An Nam chí lược* cũng không có bất cứ một ghi chép nào về hành trạng của Dương Thanh sau năm 820.

Người đầu tiên nhận thức được điểm khác biệt nêu trên của *Đại Việt sử ký toàn thư* là Ngô Thì Sĩ. Trong lời bàn của sách *Đại Việt sử ký tiền biên* in năm 1800, trên cơ sở giới thiệu những ghi chép có trong các bộ chính sử của Trung Quốc, Ngô Thì Sĩ đã tiến hành so sánh với nội dung của *Đại Việt sử ký toàn thư* và chỉ ra: "Nhu vậy là rất khác với sử [của ta chép]". Liên quan đến sự kiện năm 828, ông cũng nhận xét:

Duy chỉ có một việc Dương Thanh, theo Tôn thất truyện trong *Đường thư* thì đã bị Trọng Võ giết. Theo *Đường thế kỷ* [của *Đại Việt sử ký toàn thư*] thì năm ấy Thanh còn đuổi Hàn Ước. Vậy thì Dương Thanh sống hay chết, mất hay còn, không khảo cứu vào đâu được. Hãy để tồn nghi (29).

Đến cuối thế kỷ XIX, khi biên soạn *Việt sử thông giám cương mục*, Quốc sử quán triều Nguyễn đã quyết định không dùng thuyết của *Đại Việt sử ký toàn thư*. Bước sang thời kỳ hiện đại, cố GS. Trần Quốc Vương và GS. Keith Weller Taylor rõ ràng cũng nhận thấy những ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư* là không có đủ cơ sở, và vì vậy, hai ông cũng theo thuyết Dương

Thanh bị Quế Trọng Võ chém đầu năm 820 mà không đề cập đến những ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư*.

Về việc Quế Trọng Võ có bình định được Dương Thanh hay không, căn cứ vào các nguồn tư liệu chính thống của Trung Quốc mà chúng tôi đã tiến hành phân tích ở phần trên, chúng ta thấy rằng: ít nhất là về mặt thông tin, đối với chính quyền trung ương nhà Đường, Dương Thanh đã bị giết từ tháng 3 năm 820. Đến tháng 8 cùng năm, thủ cấp của một người được cho là Dương Thanh đã được Quế Trọng Võ gửi về Lạc Dương.

Thứ hai, ngoài ghi chép của *Cựu - Tân Đường thư*, *Tư trị thông giám*, *Sách phủ nguyên qui*, có thể xác nhận việc quân Đường đã tái chiếm được An Nam qua nhiều nguồn sử liệu khác. Ví dụ, trong mộ chí của Lý Tượng Cổ có câu "bình giải chi hậu, di cốt dăng nhiên" (sau khi hết việc binh, di cốt đều bị hủy hoại hết) (sử liệu 1). Câu văn này cho thấy trước ngày 9 tháng 11 năm 821 - thời điểm lễ mai táng cho Lý Tượng Cổ được tổ chức tại Lạc Dương, tình hình chiến sự tại An Nam đã kết thúc, gia tộc của viên Đô hộ này đã có dịp sang An Nam để tìm hài cốt nhưng thất bại. Tương tự như vậy, mộ chí của Lý Hội Xương cũng cho biết: sau khi lệnh vua đánh dẹp đã xong ("vương mệnh khác thông"), trước ngày 9 tháng 11 năm 821, người thân của Lý Hội Xương cũng đã tổ chức tìm hài cốt cho Lý Hội Xương nhưng không thành công, cuối cùng đành làm lễ chiêu hồn hơn 10 ngày bên bờ sông rồi quay về Lạc Dương (累十日致奠齊哭 舉吊來魂 次呼仲名). Rõ ràng điều này chỉ có thể thực hiện sau khi quân Đường đã tái chiếm được phủ thành An Nam.

Một bằng chứng nữa chứng minh việc quân Đường đã thu hồi được phủ thành An

Nam là sự kiện Đô hộ Lý Nguyên Hỷ định di dời phủ thành sang bờ Bắc sông Tô Lịch vào năm Bảo Lịch nguyên niên (825). Đây là một sự kiện nổi tiếng, được ghi lại trong nhiều nguồn tư liệu văn bản của cả Trung Quốc như *Cựu Đường thư* (Bản kỷ, Q.17 thượng, Kinh Tông), *Đường hội yếu* (Q.73, An Nam Đô hộ phủ), *Sách phủ nguyên quy* (Q.410, Tướng súy bộ)... và Việt Nam như *Đại Việt sử lược* (Q. Thượng), *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngoại kỷ, Q.5)... Như vậy, việc quân Đường tái chiếm phủ thành An Nam là có thật và có thể xác minh qua nhiều nguồn sử liệu.

Liên quan đến ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư* về hoạt động của Dương Thanh dưới thời các viên Đô hộ Lý Nguyên Hỷ và Hàn Ước, theo *Cựu Đường thư* (Bản kỷ, Quyển 17 thượng, Kinh Tông), ngày Mậu Thân (tức ngày 3) tháng 11 năm Trường Khánh 2 (822), An Nam Đô hộ Lý Nguyên Hỷ có báo với triều đình về việc Hoàng Gia Động (tức Hoàng Man Động) hợp sức với

Hoàn Vương quốc (Lâm ấp) đánh hạ Lục châu (Quảng Ninh), giết Thứ sử Cát Duy (30). *Tân Đường thư* (Bản kỷ, Q.8, Kinh Tông) cũng chép về sự kiện này nhưng đặt vào ngày Mậu Ngọ (tức ngày 13) của tháng 11 (31). Đến thời Đô hộ Hàn Ước, *Cựu - Tân Đường thư* cũng chép về việc Hàn Ước bị đuổi về Quảng Châu vào ngày Canh Tuất (tức ngày 27) tháng 9 năm Đại Hòa 2 (828), nhưng chỉ ghi đó là do “quân An Nam làm loạn” (An Nam quân loạn) chứ không nhắc gì đến Dương Thanh (32).

Trong điều kiện tư liệu như vậy, chúng tôi tán thành quan điểm của những người đi trước và cho rằng so với ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư*, những ghi chép của *Cựu - Tân Đường thư*, *Tư trị thông giám* và *Sách phủ nguyên qui* về khởi nghĩa Dương Thanh với ngày tháng cụ thể và nội dung chi tiết là đáng tin cậy hơn về mặt sử liệu. Theo đó, Dương Thanh trên thực tế đã bị giết vào ngày 29 tháng 3 năm 820, đến ngày 7 tháng 6 cùng năm, triều đình nhà

Bảng 1: Niên biểu về khởi nghĩa Dương Thanh (8/819 - 8/820)

Năm	Niên hiệu	Tháng	Diễn biến
819	Nguyên Hòa 14	Trung tuần tháng 8	Lý Tự Trọng Cổ cấp vũ khí và cử Dương Thanh chỉ huy 2-3 nghìn binh lính tham gia đàn áp cuộc nổi dậy của người Choang (Man Hoàng Động) Ban đêm, Dương Thanh quay lại tập kích, bao vây phủ thành.
		19/8	Quân nổi dậy chiếm được thành. Lý Tự Trọng Cổ, Lý Hội Xương cùng toàn bộ quan quân nhà Đường và gia quyến bị giết.
		17/10	Triều đình nhà Đường nhận được tin báo của Dung quân Kinh lược sứ gửi từ Quảng Châu.
		21/10 -	Quê Trọng Võ được cử làm An Nam Đô hộ. Nhà Đường xuống chiếu xá tội cho Dương Thanh, phong làm Thứ sử Quỳnh Châu (Hải Nam)
			Dương Thanh cự tuyệt, chuẩn bị chống Đường
820	Nguyên Hòa 15	22/2	Bổ nhiệm Bùi Hành Lập thay Quê Trọng Võ
			Chính sách chiêu dụ của Quê Trọng Võ phát huy tác dụng, nhiều thủ lĩnh, hào trưởng trước đây theo Dương Thanh đã ra hàng.
		29/3	Tướng sĩ An Nam mở cửa thành đầu hàng. Dương Thanh và Dương Chí Trinh bị xử chém. Đỗ Sĩ Giao và Dương Chí Liệt chạy thoát, lui về giữ Tạc Khê (Ninh Bình), sau cũng phải ra hàng.
		7/6	Nhà Đường nhận được bản tấu của Quê Trọng Võ thông báo đã tái chiếm được An Nam và xử lý cha con Dương Thanh.
		5/8	Đầu của Dương Thanh được đưa về đến dịch trạm Trường Lạc ở kinh đô nhà Đường

Đường đã nhận được tin báo của Quế Trọng Võ. Ngày 5 tháng 8 năm 820, đầu của Dương Thanh đã được đưa về dịch trạm Trường Lạc ở kinh đô Trường An để dâng lên vua Đường. Nhiều khả năng, soạn giả của *Đại Việt sử ký toàn thư* đã ngộ nhận các sự kiện Man Hoàng Động dưới thời Đò hộ Lý Nguyên Hỷ và sự kiện "An Nam quân loạn" dưới thời Đò hộ Hàn Ước có liên hệ với Dương Thanh, và do đó cho rằng Dương Thanh vẫn còn sống sau năm 820.

Dựa vào các kết quả phân tích nêu trên, chúng tôi xây dựng bảng niên biểu về khởi nghĩa Dương Thanh (xem bảng 1).

Trên cơ sở xác minh được thời điểm kết thúc của khởi nghĩa Dương Thanh, chúng tôi cũng muốn có vài lời "minh oan" cho dòng Thiển của Vô Ngôn Thông. Theo sách *Thiên uyển tập anh ngữ lục*, Vô Ngôn Thông là một thiên sư gốc họ Trịnh, quê ở Quảng Châu, đến Việt Nam vào năm 820 và có công khai sáng dòng Thiển Vô Ngôn Thông ở chùa Kiến Sơ (làng Phú Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội). Do Vô Ngôn Thông đến Việt Nam vào năm 820 - năm kết thúc của khởi nghĩa Dương Thanh, nên trước đây, GS. Keith Weller Taylor từng đưa ra giả thuyết cho rằng Vô Ngôn Thông đến Việt Nam là nhờ sự sắp đặt của Đò hộ Quế Trọng Võ, việc Quế Trọng Võ vận động được một số thủ lĩnh địa phương chống lại Dương Thanh có lẽ là nhờ sự giúp đỡ của các phần tử Phật giáo có liên hệ với Trung Quốc (33).

Tuy nhiên, nếu xem xét kỹ lại ghi chép của *Thiên uyển tập anh ngữ lục*, chúng ta thấy rằng Vô Ngôn Thông đến chùa Kiến Sơ vào tháng 9 mùa thu năm 820 (Nguyên Hòa 15, Canh Tý) (34). Trong khi đó, cuộc khởi nghĩa của Dương Thanh đã bị dập tắt từ 6 tháng trước đó, bởi ngay từ ngày 29 tháng 3 năm 820, binh lính An Nam đã bắt

Dương Thanh giao nộp cho Quế Trọng Võ. Trước khi Vô Ngôn Thông đến chùa Kiến Sơ, đầu tháng 8 năm 820, đầu của Dương Thanh đã được đưa về Trường An. Chính vì vậy, giả thuyết cho rằng dòng Thiển của Vô Ngôn Thông có dính líu đến hoạt động trấn áp khởi nghĩa Dương Thanh là chưa đủ cơ sở và thiếu sức thuyết phục.

Thay lời kết

Trong bài viết này, trên cơ sở hai tư liệu đồng đại là mộ chí của Lý Tượng Cổ và Lý Hội Xương, kết hợp với phân tích những ghi chép trong *Sách phủ nguyên qui*, chúng tôi đã tìm được thêm một tên gọi khác của người lãnh đạo cuộc nổi dậy năm 819 là "Dương Trạ Thanh", đồng thời làm rõ được thời điểm thành công và thời điểm bị đàn áp của khởi nghĩa Dương Thanh.

Theo đó, cuộc nổi dậy của Dương Thanh (hay Dương Trạ Thanh) đã được bắt đầu vào một ngày trung tuần tháng 8 năm 819 (Nguyên Hòa 14). Sau khi được Đò hộ Lý Tượng Cổ trao vũ khí và 2-3 nghìn binh lính để tham gia vào cuộc đàn áp phong trào nổi dậy của người Choang (Man Hoàng Động), được sự ủng hộ của binh lính dưới quyền, Dương Thanh đã quay về tập kích phủ thành vào ban đêm. Sau vài ngày vây hãm, đến ngày 19 tháng 8 mùa thu năm 819, quân nổi dậy đã hạ được thành, tiêu diệt Lý Tượng Cổ, quan quân nhà Đường và gia quyến đóng trong thành. Phải sau đó 2 tháng, tức là đến ngày 17 tháng 10 mùa đông năm 819, chính quyền trung ương nhà Đường mới nhận được tin báo của Dung quân Kinh lược sứ đặt tại Quảng Châu.

Thành công của cuộc nổi dậy năm 819 đến từ nhiều nguyên nhân, mà đầu tiên phải kể đến là sự tham lam, hà khắc của Đò hộ Lý Tượng Cổ. Ngay các sách sử của Trung Quốc cũng phải thừa nhận Lý Tượng Cổ là người "tham túng, nhân tâm bất ph" (Cựu

Dương thư, sử liệu 5), “tham túng hà khắc, thất nhân tâm” (Tư trị thông giám, sử liệu 7). Ngay Phần Xước, một viên quan nhà Đường theo chân Đô hộ Sái Tập đến An Nam vào giữa thế kỷ IX, khi nhìn nhận lại những thất bại trong chính sách cai trị của nhà Đường đã chỉ đích danh trách nhiệm của Lý Tượng Cổ là “từ khi nhậm chức An Nam Kinh lược sứ, tự ý tham hại, dẫn đến việc trưng binh” (*Man thư*, Q.9) (35).

Nguyên nhân thứ hai dẫn đến thành công của cuộc nổi dậy là sự trưởng thành của tầng lớp hào trưởng, thủ lĩnh địa phương cũng như tâm lý bất mãn đối với những chính sách của chính quyền đô hộ trong hàng ngũ binh lính An Nam (“An Nam quân”). “An Nam quân” ở đây không chỉ có binh sĩ người Hán bị đưa từ Trung Quốc sang đồn trú mà rõ ràng còn bao gồm nhiều người Việt. Dưới thời Đô hộ Bùi Hành Lập (tại nhiệm 813 - 817), chúng ta đã thấy các thủ lĩnh như Đỗ Anh Sách hay Phạm Đình Chi đã được biên chế vào quân đội của nhà Đường (“lệ ư quân”, *Tân Đường thư*, Q.129, Truyện Bùi Hành Lập) (36). Ngoài trường hợp tiêu biểu là Dương Thanh, còn phải kể đến các đội “nghĩa quân”, “thổ quân” hay “Trung Dũng quân” của Đỗ Anh Sách hay cha con thủ lĩnh Đỗ Tôn Thành - Đỗ Thủ Trưng trong các thời kỳ sau này (37). Các thủ lĩnh này phục vụ trong quân đội nhà Đường một mặt là do bị cưỡng ép, mặt khác đây cũng là một hình thức trao đổi mà qua đó, tù trưởng ở khu vực trung du và miền núi nhận được sự thừa nhận của nhà Đường đối với quyền thống trị mang tính thế tập của họ tại địa phương. Tuy nhiên, đến giai đoạn cuối thế kỷ VIII - đầu thế kỷ IX, các thủ lĩnh, hào trưởng địa phương trong hàng ngũ “An Nam quân” đã bắt đầu nảy sinh tâm lý chán ghét khi liên tục phải tham gia vào những cuộc chiến tranh vô nghĩa để bảo vệ

quyền lợi thống trị của nhà Đường, mà tiêu biểu là cuộc đàn áp phong trào nổi dậy của người Choang. Hiểu rõ được thành phần của binh lính An Nam (“An Nam quân”) như vậy, chúng ta càng đánh giá được rõ hơn ý nghĩa của khởi nghĩa Dương Thanh. Trong các nguồn sử liệu văn bản, cụm từ “An Nam quân loạn” (quân An Nam làm loạn) xuất hiện chính từ cuộc nổi dậy năm 819 của Dương Thanh, và sau đó đã liên tiếp xuất hiện trong các đời Đô hộ Hàn Ước (828) (38), Võ Hồn (843) (39), Tăng Cổn (880) (40).

Mặc dù xuất phát dưới hình thức một cuộc nổi dậy của binh lính, nhưng sau khi thành công, rõ ràng khởi nghĩa Dương Thanh đã có những bước phát triển để hướng đến một mục tiêu cao cả hơn: xây dựng nên một thực thể chính quyền tại An Nam nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà Đường. Trong quá trình đó, cuộc khởi nghĩa ban đầu đã nhận được hưởng ứng của nhiều thủ lĩnh địa phương, tập hợp được dưới trướng một lực lượng quân sự đông đảo. Trong số đó có thể kể đến vai trò của Đỗ Sĩ Giao, người đồng sự thân tín (“sở thân”) của Dương Thanh. Việc Đỗ Sĩ Giao sau cái chết của Dương Thanh đã đưa con trai Dương Thanh là Dương Chí Liệt lui về giữ Tạc Khê (Trường châu, Ninh Bình, nhiều khả năng là vùng Tạc khấu) cho thấy vai trò hỗ trợ to lớn của họ Đỗ ở Trường châu trong cuộc khởi nghĩa.

Tuy có những bước khởi đầu thành công như vậy, khởi nghĩa Dương Thanh trên thực tế chỉ tồn tại được trong hơn 6 tháng. Ngày 29 tháng 3 năm 820, tướng sĩ An Nam đã mở cửa thành An Nam, giao nộp Dương Thanh và con trai là Dương Chí Trinh cho Quế Trọng Võ. Thất bại nhanh chóng của khởi nghĩa Dương Thanh đến từ nhiều nguyên nhân, mà trước tiên là từ cá nhân Dương Thanh - người đứng đầu cuộc khởi nghĩa. Dương Thanh được nhắc đến

trong nhiều nguồn sử liệu như một con người "cấu trúc thủ hạ, hình phạt tàn ngược" (sử liệu 5). Dương Thanh có lẽ cũng là một trường hợp hiếm hoi không có đến thờ trong số những nhân vật lãnh đạo khởi nghĩa dưới thời Bắc thuộc.

Một nguyên nhân thất bại nữa theo chúng tôi cũng cần phải nhắc đến là xuất thân của Dương Thanh. Nếu ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngoại kỷ, Q.5) (41) và *An Nam chí lược* (Q.15) (42) là chính xác, Dương Thanh vốn xuất thân từ một dòng họ thủ lĩnh nổi lên tại Hoan châu từ thời Khai Nguyên, hẳn phải sau sự thất bại của khởi nghĩa Mai Thúc Loan (nổ ra vào năm Khai Nguyên nguyên niên - 713, kết thúc vào năm Khai Nguyên 10 - 722). Dòng họ của Dương Thanh chắc chắn đã có vai trò nhất định trong các cuộc chiến tranh với Hoàn Vương (Lâm ấp), mà theo bản tấu năm 809 (Nguyên Hòa 4) của An Nam Phó Đô hộ Đỗ Anh Sách, dưới thời Đô hộ Bùi Thái (802 - 803), thành Hoan châu từng bị quân đội Côn Lôn và Hoàn Vương phá hủy, đến thời Đô hộ Trương Chu (806 - 810) mới được xây dựng lại (43). Chấn động từ cuộc khởi nghĩa của Phùng Hưng cũng như tình trạng chiến loạn kéo dài chắc chắn đã nói lòng quyến kiểm soát của nhà Đường với khu vực Hoan - ái. Có thể thấy điều đó qua

con số thống kê hộ khẩu được ghi chép trong *Nguyên hòa quận huyện chí* (Q.38). So với 6649 hộ thời Khai Nguyên, đến thời Nguyên Hòa, số hộ mà nhà Đường nắm được tại Hoan châu đã tụt xuống chỉ còn 3842 hộ (44). Đây rõ ràng là điều kiện thuận lợi để các thủ lĩnh tại khu vực Hoan - ái mà tiêu biểu là Dương Thanh bành trướng thế lực tại địa phương. Tuy nhiên, quãng thời gian ra làm tại phủ thành An Nam lại quá ngắn (chưa được 2 năm), cùng với tính cách cá nhân của Dương Thanh đã không tạo được sự tin tưởng từ các thủ lĩnh địa phương, đặc biệt là những thủ lĩnh miền núi phía Bắc, và do đó đã không thể tạo nên được sức cố kết chặt chẽ để đương đầu với lực lượng của nhà Đường. Đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự thất bại nhanh chóng của khởi nghĩa Dương Thanh. Nó cũng là một bài học lịch sử về việc xây dựng đoàn kết dân tộc khi phải đối mặt với lực lượng phương Bắc.

Dù chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn (hơn 6 tháng), song như GS. Keith Weller Taylor đã đánh giá, khởi nghĩa Dương Thanh chính là "điểm báo trước" cho những sự kiện trọng đại sắp xảy ra trong giai đoạn thế kỷ IX - X, dẫn đến sự hình thành một quốc gia độc lập - tự chủ của "dân tộc" Việt Nam sau hơn nghìn năm Bắc thuộc.

CHÚ THÍCH

(1). Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh, *Lịch sử Việt Nam, Tập 1*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1985. Phần thuộc Tùy-Đường do cố GS. Trần Quốc Vượng chấp bút.

(2). Keith Weller Taylor, *The birth of Vietnam*, Nxb University of California Press, 1983. Một số trích dẫn trong bài viết này có tham khảo bản dịch *Việt Nam khai quốc* của dịch giả Nguyễn Hồng

Chương, hiệu đính bởi Chiêu Ly, được đăng tải trên trang web: www.damau.org.

(3). Chu Thiệu Lương, Triệu Siêu (chủ biên), *Đường đại mộ chí vịnh biên*, Nxb. Thượng Hải cổ tịch, 1992, tr. 2061-2062. 周紹良 趙超編《唐代墓誌彙編》(上海古籍出版社1992年)

(4). Nhóm Kim thạch văn Bắc Kinh đồ thư quán (biên soạn), *Bắc Kinh đồ thư quán tàng Trung Quốc lịch đại thạch khắc thác bản hồi biên*,

Tập 30, Nxb. Trung châu cổ tịch, 1989. 北京圖書館金石錄北京圖書館藏中國歷代石刻拓本匯編]第30冊(中州古籍出版社, 1989年, hình 11, tr. 11.

(5). Đội công tác văn vật thành phố Lạc Dương (biên soạn), *Lạc Dương xuất thổ lịch đại mộ chí tập thành*, Nxb. Khoa học Xã hội Trung Quốc, 1991. 洛陽市文物工作隊編《洛陽出土歷代墓誌輯編》中國社會科學出版社 1991年 hình 642, tr. 642.

(6). Do Lý Tượng Cổ bị giết cả nhà, không có người nối dõi nên anh Lý Tượng Cổ là Lý Đạo Cổ đã lấy con mình - tức Lý Chấn Kiến nối dõi cho Lý Tượng Cổ.

(7). Theo Ký Á Bình, thác bản mộ chí của Lý Hội Xương đã được chuyển vào bộ sưu tập thác bản của Thư viện Quốc gia Trung Quốc vào năm 2002. Xem thêm Ký Á Bình, Bộ sưu tập Chương Ngọc trong các thác bản kim thạch, Văn tân lưu trường, kỳ 9 - 2003.

(8). Dưới đây, những phần đặt trong ngoặc vuông trong trích dẫn sử liệu đều là chú thích của người viết.

(9). Tà đàm (左梅): cỡi áo lộ vai trái, chỉ những người có cùng chí hướng. Bất nguồn từ sự tích đời Hán, những binh lính đi theo Chu Bột phủ nhà Hán, diệt họ Lã đều cỡi áo lộ vai trái.

(10). 「開元初 安南首領梅玄成叛」(『舊唐書』列傳卷一百八十四 楊思勳傳)。「時安南首領梅玄成叛」(『冊府元龜』卷六百六十七 內臣部 立功)。

Liên quan đến khởi nghĩa Mai Thúc Loan, xin xem thêm Phan Huy Lê, *Khởi nghĩa Mai Thúc Loan: Một số vấn đề cần làm rõ*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2-2009.

(11). Về cuộc điều tra khai quật này, xin tham khảo: Sở nghiên cứu khảo cổ - Viện Khoa học xã hội Trung Quốc (biên soạn), *Các mộ thời Tùy - Đường ở khu vực Giao của thành Trường An*, Nxb Văn vật, 1980. 中国社会科学院考古研究所《唐長安城郊隋唐墓》(文物出版社, 1980年)。

(12). Dẫn theo văn bản số hiệu Khai Nguyên 515 trong sách *Đường đại mộ chí vịnh biên* (Sđd, tr.1509). Ngoài ra, có thể tham khảo văn bản và bản chụp thác bản trong sách *Các mộ thời Tùy -*

Đường ở khu vực Giao của thành Trường An (Sđd, tr. 83-86).

(13). Nhờ mộ chí của Dương Tư Húc, cũng có thể khẳng định một số bản *Cựu Đường thư* chép "Mai Nguyên Thành" rõ ràng là nhận lầm chữ "Huyền" thành chữ "Nguyên" do hai chữ này có tự dạng rất giống nhau.

(14). Các văn bản số hiệu Tiên Thiên 003, Khai Nguyên 320, Đại Trung 158, *Đường đại mộ chí vịnh biên*, sđd, tr. 1148, 1378, 2373.

(15). Truyện Hương Lâm Hắc Đế ký trong *Tân định hiệu binh Việt điện u linh* chép rằng Mai Thúc Loan có tên húy là Phượng, hiệu là Thúc Loan. Tuy nhiên, Hương Lâm Hắc Đế ký không được xếp vào nhóm các truyện gốc có trong *Việt điện u linh tập* thời Trần mà do Chu Cát Thị tăng bổ vào khoảng thế kỷ XVIII, nên truyện này không được đánh giá cao về giá trị sử liệu.

(16). Theo *Cựu Đường thư*, ngày sóc của tháng này là ngày Bính Ngọ nên ngày Nhâm Tuất là ngày 17. *Cựu - Tân Đường thư* thường không ghi số ngày mà chỉ chép ngày theo can chi. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ dựa theo can chi của ngày sóc thường được ghi trong *Cựu Đường thư* để tính toán ngày số tương ứng.

(17). Qua bài viết này, người viết cũng muốn lưu ý một vấn đề trong nghiên cứu lịch sử cổ - trung đại. Đó là khi mô tả các sự kiện theo ngày tháng ghi trong các bộ sử biên niên, chúng ta cần phải kiểm tra xem đó là ngày tháng sự kiện đó diễn ra trong thực tế hay là ngày tháng mà triều đình trung ương nhận được tin báo.

(18). 「甲午, 以桂管觀察使裴行立為安南都護 充本管經略使」(『舊唐書』本紀卷十六 穆宗 元和十五年) Ngày sóc của tháng này là ngày Quý Dậu.

(19). 「八月辛巳朔 癸未 以黔州刺史裴行立為安南都護 本管經略招討使 以張勳電年也」(『旧唐書』本紀卷十五 憲宗 元和八年)。

(20). Phạm Lê Huy, *Về một số thủ lĩnh An Nam thời thuộc Đường*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 9-2009.

(21). 「辛未安南將士開城納桂仲武執楊清斯之髮行立至海門而卒」(『資治通鑑』卷二百四十一、唐紀五十七 憲宗)。

(22). *Tư trị thông giám* cũng viết: “Thanh dùng hình phạt tàn ngược nên đồ đảng rời xa. Trọng Võ cử người thuyết phục bọn tù hào, trong vài tháng, liên tiếp có người ra hàng, được quân lính hơn 7 nghìn người. 「清用刑慘虐, 其黨離心, 仲武遣人說其酋豪, 數月間降者相繼, 得兵七千餘人」(『資治通鑑』卷二百四十一、唐紀五十七 憲宗)。

(23). 「六月辛未朔 丁丑 (中略) 安南都護桂仲武奏誅賊首楊清, 收復安南府」(『舊唐書』本紀卷十六 穆宗 元和十五年)。

(24). 「八月庚午朔 (中略) 甲戌 安南都護桂仲武斬叛將楊清首以獻, 收復安南府」(『舊唐書』本紀卷十六 穆宗 元和十五年)。

(25). 三月 (中略) 辛未 楊清伏誅」(『新唐書』本紀卷八 穆宗 元和十五年)。

(26). 「(臣德漣 按本年六月丁丑已言斬楊清事矣, 此係重出, 又新書三月辛未楊清伏誅, 與此互異」(『舊唐書』卷十六 考證 四庫全書本)。

(27). Ngày sóc của tháng này là ngày Tân Mùi.

(28). Ngày sóc của tháng này là ngày Canh Ngọ.

(29). Viện nghiên cứu Hán Nôm (dịch), *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 2010, tr. 149-150.

(30). 十一月丙午朔, 戊申, 安南都護李元喜奏, 黃家賊與環王國合勢陷陸州, 殺刺史葛維」(『舊唐書』本紀卷十七上, 敬宗 長慶二年). Ngày sóc là ngày Bình Ngọ.

(31). 「十一月戊午, 環王及黃洞蠻陷陸州, 刺史葛維死之」(『新唐書』本紀卷八 敬宗 長慶二年)

(32). 「九月甲申朔 (中略) 庚戌 安南軍亂 逐都護韓約」(『舊唐書』本紀卷十七上, 文宗 大和二年). 「九月 (中略) 庚戌 安南軍亂, 逐其都護韓約」(『新唐書』本紀卷八 文宗 皇帝 大和二年)。

(33). Keith W. Taylor, add, tr.229-230.

(34). 唐元和十五年庚子秋九月師來至此寺」(『禪苑集 英語錄』卷上)。

(35). 「自李象古任安南經畧使, 恣意貪吝, 遂至徵兵, 續又有李深繼之誅剝, 令生靈受害, 莫非長吏, 非人所致」(『蠻書』卷九)

(36). 英策及范狂芝者皆 籍 洞 臺 也 隸 于 軍」(『新唐書』卷一百二十九 列傳 獲行立御)。

(37). Xin tham khảo thêm Phạm Lê Huy, *Về một số thủ lĩnh An Nam thời thuộc Đường*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 9-2009.

(38). 「庚戌、安南軍亂、逐都護韓約」(『舊唐書』本紀卷十七上 文宗 大和二年)。

(39). 「安南軍亂 逐其經畧使武濁」(『新唐書』本紀 卷八 武宗 會昌三年)。

(40). 「安南軍亂、節度使曾袞出城避」(『資治通鑑』卷二百五十三 唐紀六十九 僖宗 廣明元年三月)。

(41). 「其將楊清、世為蠻酋、唐開元間為羅州刺史」(『大越史記全圖外紀 卷五)。

(42). 「楊清交州人, 唐開元間為羅州刺史」(『安南志略 卷十五)。

(43). 前經畧使裴泰時, 驪受城池, 被環王鹿術燒燬並盡, 自張舟到任後, 前年築羅州城, 去年築愛州城」(『唐書要』卷七十三 安南都護府)

(44). 「開元戶六千六百四十九 鄉十四 元和戶三千八百四十二 鄉六」(『元和郡縣志』卷三十八、羅州)。